

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀ TRUNG  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2021

V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thanh Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đoàn Thân và bà Nguyễn Thị Liên.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thư- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

***Đại diện VKSND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 76/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Đội 1, Đ, xã P, huyện T, tỉnh H, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình P, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị H trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Nguyễn Đình P tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh H ngày 25/9/2002. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do Vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau khiến cuộc sống căng thẳng, ngột ngạt. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã P, huyện T, tỉnh H sinh sống từ tháng 8 năm 2017 và sống ly thân với anh P từ đó cho đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đình P.

Về con chung: Chị H khai vợ chồng có ba con chung, các cháu tên là Nguyễn Bảo H1, sinh ngày 02/10/2004; cháu Nguyễn Đình Phương H2, sinh ngày 05/12/2006 và cháu Nguyễn Đình Ngọc B, sinh ngày 22/9/2009, hiện nay cả ba cháu H1, H2, B đang ở với anh P. Chị H đề nghị để anh P trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu H1, H2, B, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh P mỗi tháng mỗi cháu là 1.000.000 đồng, ba cháu là 3.000.000 đồng/1 tháng, cho đến khi các cháu H1, H2, B đủ 18 tuổi, hiện nay chị đang làm lao động tự do.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2021, bị đơn là anh Nguyễn Đình P trình bày: Giữa bị đơn và nguyên đơn là chị Đỗ Thị H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh H ngày 25/9/2002. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến ngày 22/5/2017 thì chị H nói đi làm ăn sau đó bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống, anh P có khuyên can chị H nhiều lần nhưng chị H không quay về nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh P cũng đồng ý.

Về con chung: Anh P khai, vợ chồng có ba con chung, các cháu tên là Nguyễn Bảo H1, sinh ngày 02/10/2004; cháu Nguyễn Đình Phương H2, sinh ngày 05/12/2006 và cháu Nguyễn Đình Ngọc B, sinh ngày 22/9/2009, hiện nay cả ba cháu đang ở với anh P. Anh P đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu H1, H2, B, yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh mỗi tháng mỗi cháu là 1.000.000 đồng, ba cháu là 3.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi các cháu H1, H2, B đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Hà Trung đã triệu tập hợp lệ anh P đưa các cháu Nguyễn Bảo H1, Nguyễn Đình Phương H2 và Nguyễn Đình Ngọc B đến Tòa án để lấy lời khai về nguyện vọng của các cháu nhưng anh P không đưa các cháu H1, H2, B đến tòa án theo giấy triệu tập, do đó Tòa án không lấy được lời khai về nguyện vọng của các cháu.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đường sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh P; đề nghị giao các cháu H1, H2, B cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh P mỗi tháng mỗi cháu là 1.000.000 đồng, ba cháu là 3.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi các cháu H1, H2, B đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Đình P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh P không có mặt mà không có lý do nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Anh P cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh P là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Đình P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Kết quả xác minh ngày 10/8/2021 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H cũng cho thấy: Anh P và chị H chung sống đến khoảng tháng 5/2017 chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã P, huyện T, tỉnh H sinh sống và sống ly thân với anh P cho đến nay. Như vậy, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh P luôn xảy ra mâu thuẫn, xung đột. Một thời gian dài vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau, chứng tỏ đời sống chung của vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị H được ly hôn anh P là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị H và anh P thừa nhận, vợ chồng có ba con chung, các cháu tên là Nguyễn Bảo H1, sinh ngày 02/10/2004; cháu Nguyễn Đình Phương H2, sinh ngày 05/12/2006 và cháu Nguyễn Đình Ngọc B, sinh ngày 22/9/2009. Chị H đề nghị để anh P trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu H1, H2, B. Từ khi vợ chồng sống ly thân, các cháu H1, H2, B do anh P trực tiếp nuôi dưỡng và hiện tại các cháu đang học tập, sinh sống tại địa phương, anh Phúc cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả ba cháu H1, H2, B. Do đó, để tránh xáo trộn về tâm lý cũng như việc học tập và nơi ở của các cháu, giao các cháu H1, H2, B cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, buộc chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh P mỗi tháng mỗi cháu là 1.000.000 đồng, ba cháu là 3.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi các cháu H1, H2, B đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản: Chị H và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 6; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Đình P.

2. Về con chung: Công nhận các cháu Nguyễn Bảo H1, sinh ngày 02/10/2004; cháu Nguyễn Đình Phương H2, sinh ngày 05/12/2006 và cháu Nguyễn Đình Ngọc B, sinh ngày 22/9/2009 là con chung của chị H và anh P. Giao các cháu H1, H2, B cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh P mỗi tháng mỗi cháu là 1.000.000đ (*một triệu đồng*), ba cháu là 3.000.000 đồng/1 tháng. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 10 năm 2021 cho đến khi các cháu H1, H2, B đủ 18 tuổi.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh P.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0009367 ngày 16/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị H còn phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đường sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trịnh Thanh Hương**

